

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Khởi sắc trước thềm năm mới

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đồng Thanh Tuấn

tuán.dt@miraeasset.com.vn

[Tóm tắt]

Nhìn lại diễn biến tuần qua

• Bối cảnh toàn cầu:

- Sắc xanh trở lại với phần lớn các chỉ số chứng khoán trọng điểm trong tuần lễ Giáng Sinh. Dù thế, hiệu ứng “Santa Clause rally” dần hạ nhiệt trong phiên ngày 27/12 đã khiến nhiều cổ phiếu công nghệ tại Hoa Kỳ giảm mạnh, góp phần thu hẹp đà tăng của thị trường Mỹ. Trong khi đó, Nikkei 225 trở thành điểm sáng với mức tăng hơn 4% WoW với thông tin tích cực đến từ kế hoạch sáp nhập giữa Honda, Nissan và Mitsubishi; hoàn toàn áp đảo thông tin đến từ việc Ngân hàng Trung ương Nhật Bản hiện đã sẵn sàng cho lộ trình nâng lãi suất trong năm 2025 với nhiều kịch bản được đưa ra đối với lãi suất có thể tăng từ mức hiện tại là 0,25% lên 1% trong năm sau.

• Bối cảnh trong nước:

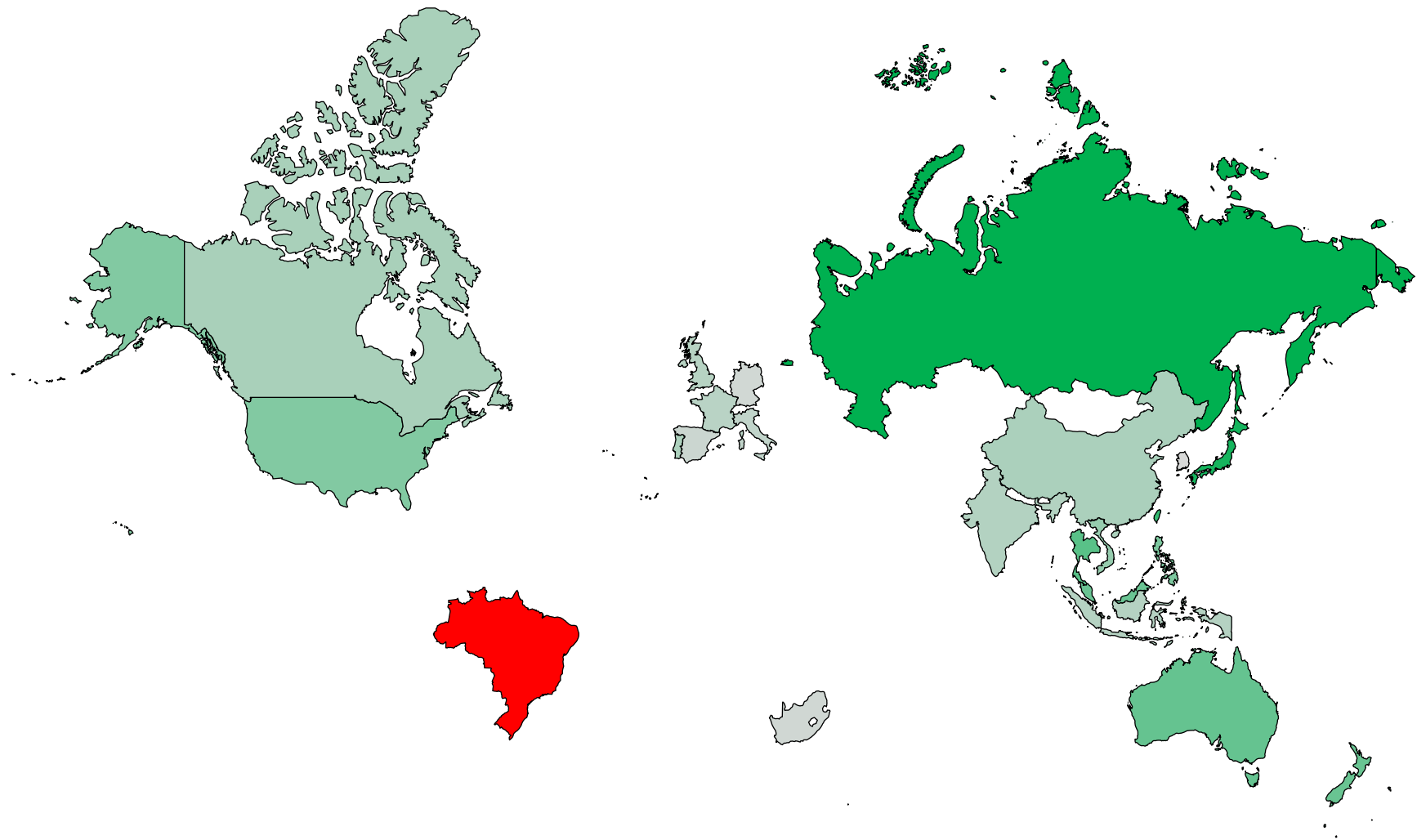
- Tỷ giá trong tuần qua tiếp tục duy trì sát mức trần biên độ 5% tính theo tỷ giá trung tâm. **Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành thanh khoản thông qua hoạt động thị trường mở nhưng chuyển sang động thái bơm ròng, hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống liên ngân hàng giai đoạn cuối năm.** Trong đó, việc rút ngắn kỳ hạn về 7 ngày đối với cả hai công cụ tín phiếu và hợp đồng mua lại đảo ngược sẽ góp phần gia tăng sự linh hoạt trong điều hành và cân đối thanh khoản của hệ thống trong bối cảnh nhu cầu thanh toán dự kiến tăng cao trong giai đoạn cận Tết Nguyên Đán nhưng áp lực tỷ giá vẫn còn đang hiện hữu.
- **VN-Index kết thúc chuỗi giảm hai tuần liên tiếp sau khi phục hồi 17,64 điểm và đóng cửa tại 1.275,14 điểm (+1,4% WoW)** với nhóm Ngân hàng là động lực chính của tuần với mức đóng góp gần 16 điểm đến đà tăng của chỉ số sàn HOSE.
- Thanh khoản cải thiện tại hầu hết các nhóm ngành với giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân đạt khoảng 12 nghìn tỷ đồng mỗi phiên (+15% WoW) tại sàn HOSE. Trong đó, Khối ngoại và nhà đầu tư tổ chức trong nước mua ròng lần lượt 267 tỷ đồng và 2,33 nghìn tỷ đồng tại sàn HOSE.
- **Triển vọng:** Với xung lực hình thành trong hai tháng gần nhất, VN-Index có khả năng sẽ tiếp tục duy trì được xu hướng tăng theo hiệu ứng Tháng Giêng và hướng về cột mốc tâm lý 1.300 điểm; đặc biệt trong bối cảnh số lượng cổ phiếu niêm yết tại sàn HOSE đang giao dịch trên các ngưỡng hỗ trợ thể hiện qua đường trung bình 20 ngày, 60 ngày đều đạt trên 50%, cải thiện đáng kể so với giai đoạn cuối tháng 11. Tuy vậy, áp lực điều chỉnh trong ngắn hạn vẫn là yếu tố cần theo dõi trong tuần đầu tiên của tháng 1 khi diễn biến thăng hoa của loạt cổ phiếu Ngân hàng trong hai phiên giao dịch ngày 26/12 và 27/12 không thể củng cố cho đà tăng tiếp diễn của chỉ số sàn HOSE khi sắc đỏ dần bao phủ phần còn lại của thị trường. Do đó, VN-Index có khả năng sẽ ghi nhận các nhịp điều chỉnh trong ngắn hạn nhằm kiểm định các vùng hỗ trợ tại 1.260 – 1.265 điểm trước khi chuẩn bị cho các nhịp tăng điểm bền vững hơn.

Thông tin cần theo dõi trong tuần tới

- PMI Sản xuất đến từ Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Châu Âu và Hoa Kỳ

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	%WoW
Việt Nam	VNINDEX	1.275,14	1,40%
Mỹ	SPX	6.037,59	1,80%
Canada	TSX	24.846,82	1,01%
Nhật	NKY	40.281,16	4,08%
Trung Quốc	SHCOMP	3.400,14	0,95%
Hồng Kông	Hang Seng	20.090,46	1,87%
Đài Loan	TWSE	23.275,68	3,40%
Hàn Quốc	KOSPI	2.404,77	0,03%
Ấn Độ	SENSEX	78.657,34	0,79%
Indonesia	JCI	7.036,57	0,75%
Thái Lan	SET	1.401,46	2,67%
Singapore	STI	3.771,63	1,39%
Malaysia	FBMKLCI	1.628,14	2,31%
Philippines	PSEi	6.528,79	1,91%
UK	FTSE 100	8.141,91	0,71%
Pháp	CAC 40	7.323,29	0,67%
Đức	DAX	19.916,84	0,16%
Nga	MOEX	2.757,45	4,51%
Úc	ASX 200	8.261,80	2,42%
New Zealand	NZX 50	13.205,10	2,33%



Powered by Bing
© Australian Bureau of Statistics, GeoNames, Microsoft, Navinfo, Open Places, OpenStreetMap, TomTom, Zenrin

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thị trường hàng hóa

Loại hàng hóa	Tên	Đơn vị	Giá (USD)	% DoD	% WoW	% MoM	YTD	% YoY	% 3Y
Tiền điện tử	Bitcoin	USD/BTC	94.533,9	-1,9%	-2,8%	-3,0%	123,7%	124,7%	103,5%
	Vàng	USD/ozt	2.631,9	-0,8%	-0,5%	-1,8%	25,8%	25,8%	45,6%
Kim loại	Bạc	USD/ozt	29,97	-1,4%	0,0%	-3,7%	23,2%	23,2%	31,1%
	Thép cuộn Mỹ (HRCc3)	USD/st	778	0,3%	4,4%	-1,1%	-21,8%	-21,8%	-37,3%
	Quặng sắt 62%	USD/mt	103,9	-0,2%	0,1%	1,4%	-23,8%	-23,8%	-7,5%
	Đồng	USD/Lbs	4,12	-0,2%	0,5%	-0,4%	5,5%	5,5%	-6,5%
	Platin (bạch kim)	USD/ozt	925	-3,1%	-1,2%	-3,1%	-8,2%	-8,2%	-4,6%
	Paladi	USD/ozt	920,6	-0,2%	0,2%	-7,5%	-17,6%	-17,6%	-53,6%
	Nhôm	USD/tấn	2.560	0,0%	0,7%	-1,6%	7,4%	7,4%	-8,9%
	Kẽm	USD/tấn	3.041	0,0%	2,2%	-2,4%	14,4%	14,4%	-13,4%
	Ni-ken	USD/tấn	15.876	-1,9%	0,0%	-0,8%	-4,4%	-4,4%	-22,1%
	Dầu Thô WTI	USD/thùng	70,6	1,4%	1,6%	3,8%	-1,5%	-1,5%	-7,8%
Năng lượng	Dầu Brent	USD/thùng	74,17	1,8%	1,7%	3,2%	-3,6%	-3,6%	-6,4%
	Khí Tự nhiên	USD/MMBtu	3,51	6,0%	3,0%	4,5%	51,0%	51,0%	-8,7%
	Dầu Nhiên liệu	USD/gallon	2,24	1,8%	0,6%	2,4%	-11,2%	-11,2%	-5,2%
	Lúa mì Hoa Kỳ	USD/100 giạ	546,5	1,2%	2,5%	-0,3%	-13,0%	-13,0%	-30,6%
Thực phẩm	Thóc	USD/CWT	13,76	-1,2%	-2,2%	-9,6%	-21,5%	-21,5%	-6,8%
	Yến mạch	USD/100 giạ	318	-4,6%	-9,5%	-5,8%	-17,6%	-17,6%	-54,3%
	Bắp Hoa Kỳ	USD/100 giạ	454	0,2%	1,7%	4,9%	-3,7%	-3,7%	-25,0%
	Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 giạ	980	-0,7%	0,6%	-1,0%	-24,2%	-24,2%	-27,8%
	Dầu Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 Lbs	39,52	-0,9%	-0,9%	-5,3%	-18,0%	-18,0%	-30,6%
	Khô Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 tấn	310,5	-1,4%	2,8%	6,4%	-19,6%	-19,6%	-23,9%
	Ca Cao Hoa Kỳ	USD/tấn	9.876	-10,4%	-16,8%	4,8%	137,3%	137,3%	287,9%
	Cà phê Hoa Kỳ loại C	USD/100 Lbs	322,65	-0,6%	-0,7%	1,5%	73,3%	73,3%	40,9%
	Đường Hoa Kỳ loại 11	USD/100 Lbs	19,37	0,6%	-0,7%	-8,1%	-5,9%	-5,9%	1,4%
	Nước Cam	USD/100 Lbs	501,9	0,7%	-5,1%	0,2%	60,6%	60,6%	266,8%
	Bê	USD/100 Lbs	193,45	0,0%	1,1%	2,9%	11,4%	11,4%	38,8%
	Heo nạc	USD/100 Lbs	84,18	0,0%	-2,0%	2,6%	23,8%	23,8%	0,4%
	Bê đực non	USD/100 Lbs	261,38	0,8%	2,3%	0,7%	17,2%	17,2%	57,6%
Khác	Gỗ	USD/MBF	564,5	0,0%	-0,8%	-4,2%	3,8%	3,9%	-51,7%
	Cao su (TSR20)	USD/kg	193,9	1,4%	2,4%	6,5%	24,2%	29,8%	14,6%
	Cotton Hoa Kỳ loại 2	USD/100 Lbs	68,89	0,2%	1,2%	-6,1%	-15,0%	-15,0%	-39,0%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 28/12/2024

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Các sự kiện quốc tế cần theo dõi trong tuần tới				
Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Kỳ trước	Kỳ vọng
30/12/2024				
6:00 AM	KR	Sản lượng công nghiệp MoM (T11)	0,0%	-0,4%
	KR	Sản lượng công nghiệp YoY (T11)	6,3%	0,4%
	KR	Doanh số bán lẻ MoM (T11)	-0,4%	0,3%
7:30 AM	JP	PMI Sản xuất - Jibun Bank (T12), ước tính lần cuối	49,0	49,5
9:45 PM	US	PMI của bang Chicago (T12)	40,2	42,8
10:30 PM	US	Chỉ số Sản xuất của chi nhánh Fed Dallas (T12)	-2,7	-0,4
31/12/2024				
6:00 AM	KR	CPI YoY (T12)	1,5%	1,7%
	KR	CPI MoM (T12)	-0,3%	0,2%
8:30 AM	CN	PMI Sản xuất - NBS (T12)	50,3	50,3
	CN	PMI Phi sản xuất - NBS (T12)	50,0	50,4
10:30 PM	US	Chỉ số Dịch vụ chi nhánh Fed Dallas (T12)	9,8	9,0
	US	Chỉ số doanh số dịch vụ chi nhánh Fed Dallas (T12)	10,9	12,0
1/1/2025				
7:00 AM	KR	Xuất khẩu YoY (T12)	1,4%	4,0%
	KR	Nhập khẩu YoY (T12)	-2,4%	4,6%
2/1/2025				
7:30 AM	KR	PMI Sản xuất - S&P Global (T12)	50,6	49,0
8:45 AM	CN	PMI Sản xuất - Caixin (T12)	51,5	51,7
3:50 PM	FR	PMI Sản xuất - HCOB (T12), ước tính lần cuối	43,1	41,9
3:55 PM	DE	PMI Sản xuất - HCOB (T12), ước tính lần cuối	43,0	42,5
4:00 PM	EA	PMI Sản xuất - HCOB (T12), ước tính lần cuối	45,2	45,2
4:30 PM	GB	PMI Sản xuất - S&P Global (T12), ước tính lần cuối	48,0	47,3
8:30 PM	US	Đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu	219K	
	US	Đơn xin trợ cấp thất nghiệp liên tục	1910K	
9:30 PM	CA	PMI Sản xuất - S&P Global (T12)	52,0	51,5
9:45 PM	US	PMI Sản xuất - S&P Global (T12), ước tính lần cuối	49,7	48,3
3/1/2025				
3:55 PM	DE	Tỉ lệ thất nghiệp (T12)	6,1%	6,2%
10:00 PM	US	PMI Sản xuất - ISM (T12)	48,4	48,3
	US	PMI Sản xuất về lực lượng lao động - ISM (T12)	48,1	48,6
	US	PMI Sản xuất về đơn hàng mới - ISM (T12)	50,4	50,5
	US	PMI Sản xuất về giá - ISM (T12)	50,3	52,2

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Trading Economics, Forex Factory và Bloomberg. Tất cả thời gian đều là giờ địa phương của Việt Nam.

Vĩ mô toàn cầu – Các thông tin cần theo dõi

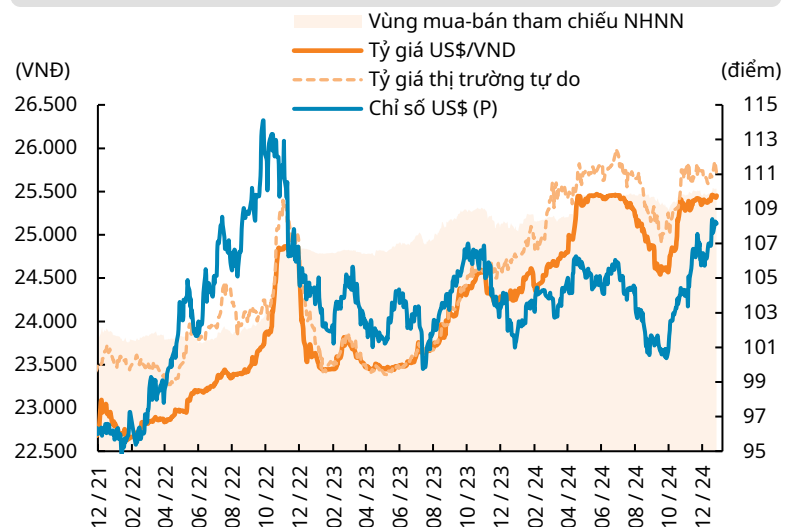
- PMI Sản xuất đến từ Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Châu Âu và Hoa Kỳ

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam

Nghân hàng Nhà nước rút ngắn kỳ hạn của hoạt động thị trường mở về 7 ngày

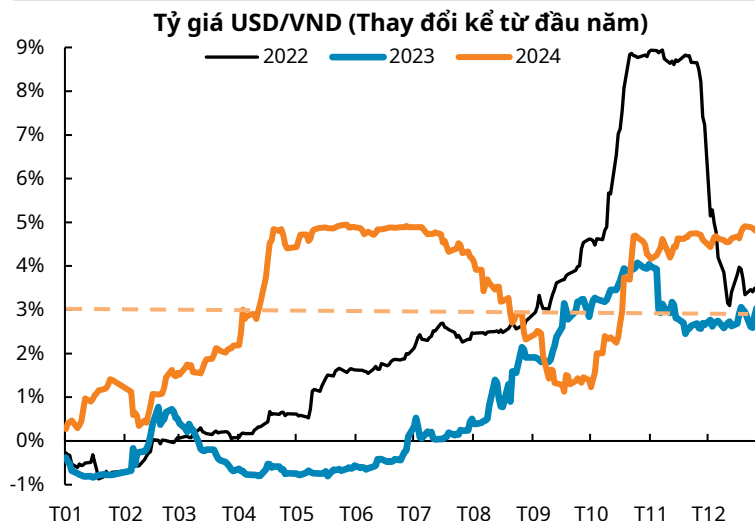
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục phát hành tín phiếu thông qua hoạt động thị trường mở (OMO) với tổng lượng tín phiếu phát hành đạt **20,8 nghìn tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày và lãi suất 4%**. Bên cạnh đó, NHNN đồng thời điều tiết thanh khoản thông qua hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP) với lượng RRP được phát hành đạt 65 nghìn tỷ đồng trên hai kỳ hạn 7 ngày (áp dụng cho ngày 27/12) và 14 ngày với lãi suất 4%; qua đó phản ánh động thái bơm ròng, hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống liên ngân hàng giai đoạn cuối năm. Trong khi đó, việc rút ngắn kỳ hạn đối với cả hai công cụ sẽ góp phần gia tăng sự linh hoạt trong điều hành và cân đối thanh khoản của hệ thống trong bối cảnh nhu cầu thanh toán dự kiến tăng cao trong giai đoạn cận Tết Nguyên Đán nhưng áp lực tỷ giá vẫn còn đang hiện hữu.
- Tính đến ngày 27/12, tỷ giá bán tại Vietcombank ghi nhận 25.538, gần như không đổi so với tuần trước với mức mất giá tính từ đầu năm ghi nhận khoảng 4,6%. Trong đó, tỷ giá liên tục duy trì sát mức trần biên độ 5% tính theo tỷ giá trung tâm với tỷ giá tham chiếu gần giảm nhẹ từ 24.324 về 24.322.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



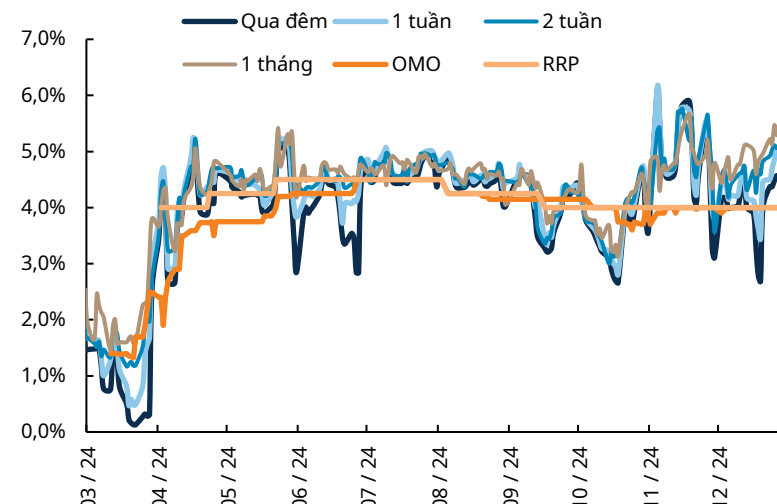
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN, cập nhật tới 27/12/2024

Tỷ giá bắt đầu hạ nhiệt sau nhiều nỗ lực của NHNN



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 27/12/2024

Lãi suất LNH dần ổn định và hạ nhiệt



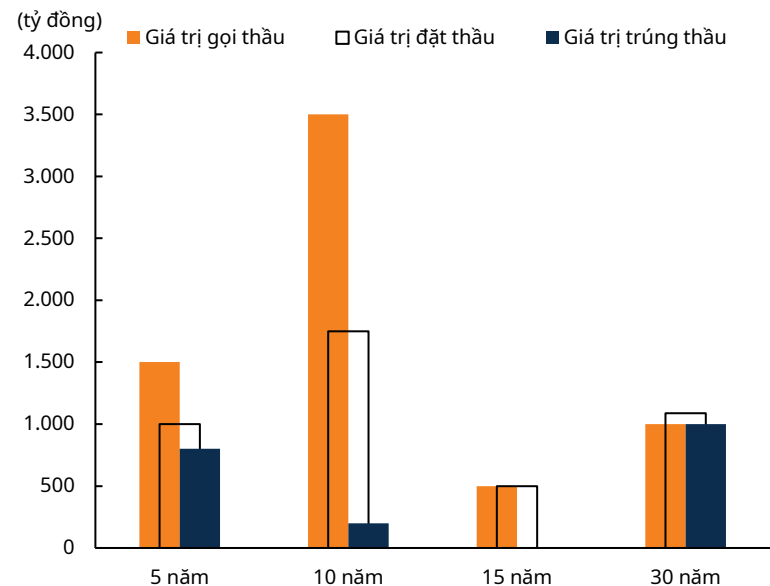
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 27/12/2024

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Trái phiếu chính phủ

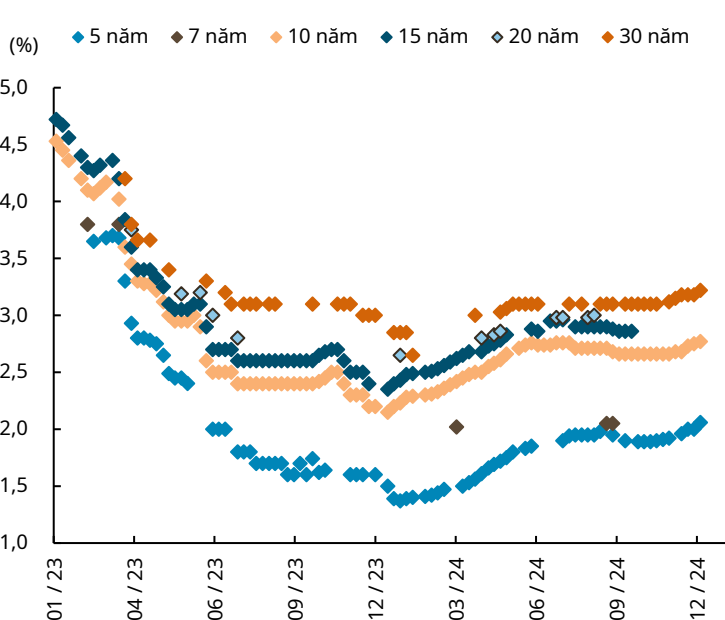
- **Phát hành trái phiếu chính phủ:**
 - Trong ngày 25/12, Kho bạc Nhà nước đã huy động thành công 2.000 tỷ đồng thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ (tương ứng với 31% tổng giá trị gọi thầu) với tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu (bid-to-cover) đạt 0,67x.
 - Kết quả đấu thầu như sau: 5 năm (800 tỷ đồng), 10 năm (200 tỷ đồng), 30 năm (1.000 tỷ đồng).
 - Lợi suất trúng thầu tiếp tục tăng mạnh đối với toàn bộ kỳ hạn. Cụ thể cho từng kỳ hạn là: 5 năm (2,06%, +6 bps), 10 năm (2,77%, +2 bps), 30 năm (3,22%, +4 bps).
 - Tính đến ngày 25/12, Kho bạc Nhà nước đã thành công huy động gần 329,3 nghìn tỷ đồng thông qua kênh TPCP, đạt 82,33% kế hoạch của năm 2024. Trái phiếu với kỳ hạn 10 năm chiếm gần 60% tổng giá trị huy động từ đầu năm, theo sau là các kỳ hạn 15 năm (20%), 5 năm (15%), 30 năm (3,5%).
- **Trên thị trường thứ cấp, lợi suất trái phiếu tăng đều trên mọi kỳ hạn.** Cụ thể, kết quả giao dịch lợi suất của các kỳ hạn như sau: 1 năm (1,967%, +2,9 bps); 2 năm (1,983%, +2,9 bps); 5 năm (2,294%, +0,8 bps); 7 năm (2,522%, +1,5 bps); 10 năm (2,974%, +0,7 bps); 15 năm (3,117%, +3,9 bps); 20 năm (3,179%, +1,2 bps); 30 năm (3,267%, +2,1 bps).

Giá trị trúng thầu từ buổi đấu thầu gần nhất



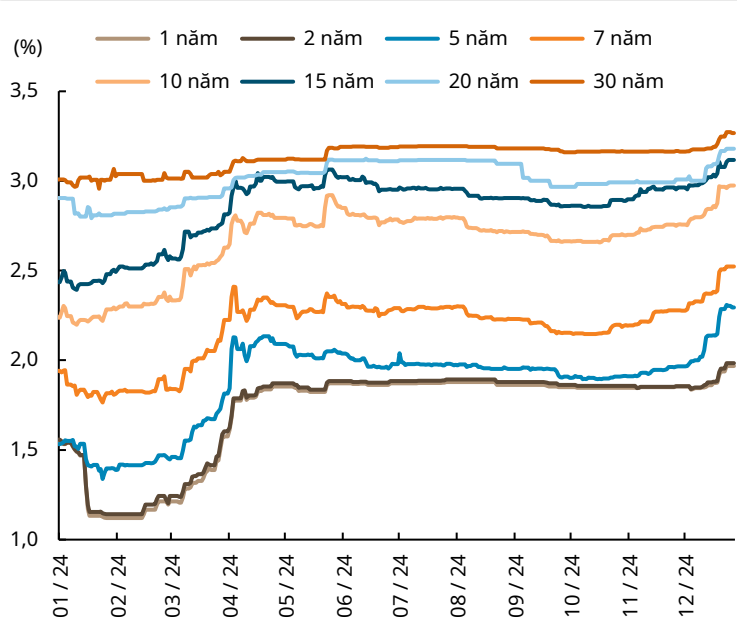
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 25/12/2024

Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 25/12/2024

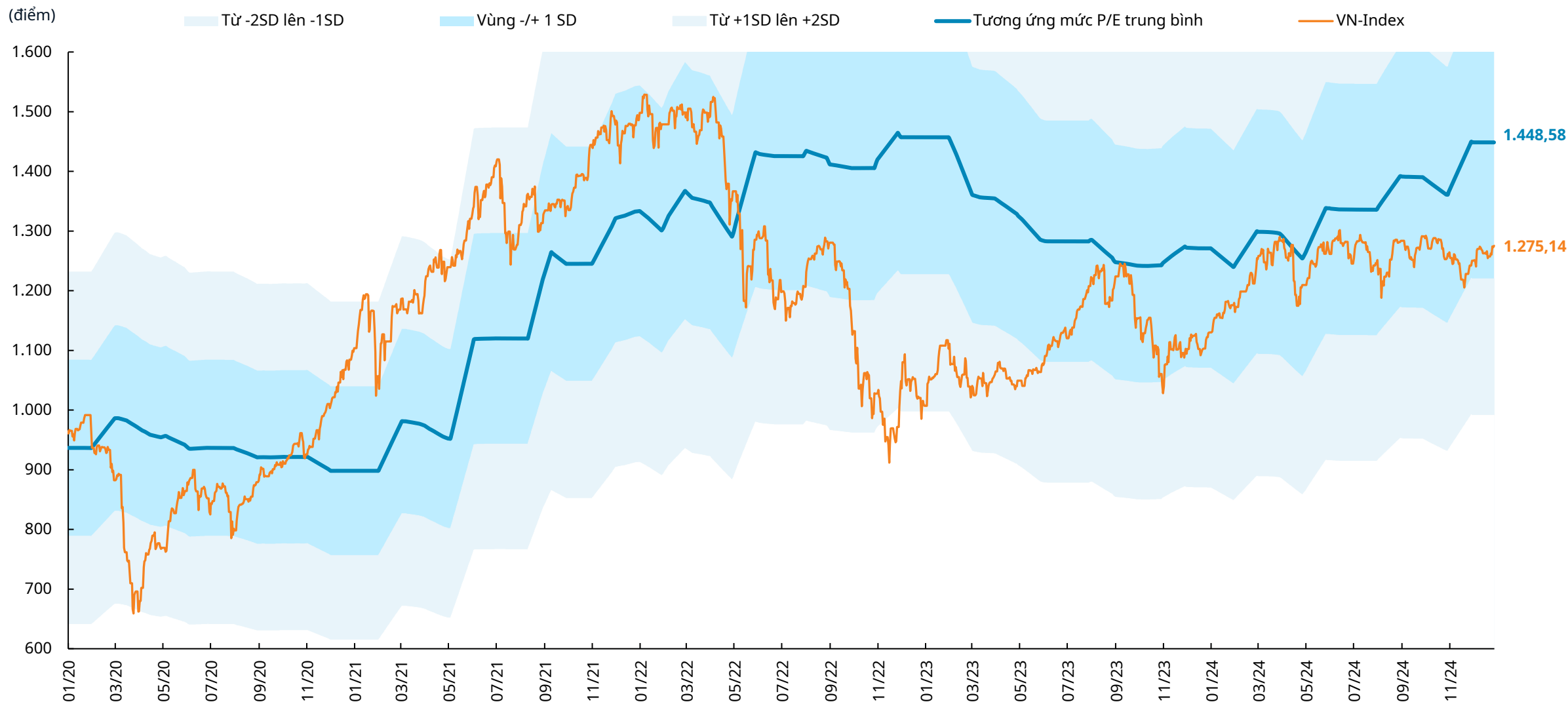
Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 27/12/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam

Định giá VN-Index so với giá trị P/E bình quân trong 10 năm gần nhất

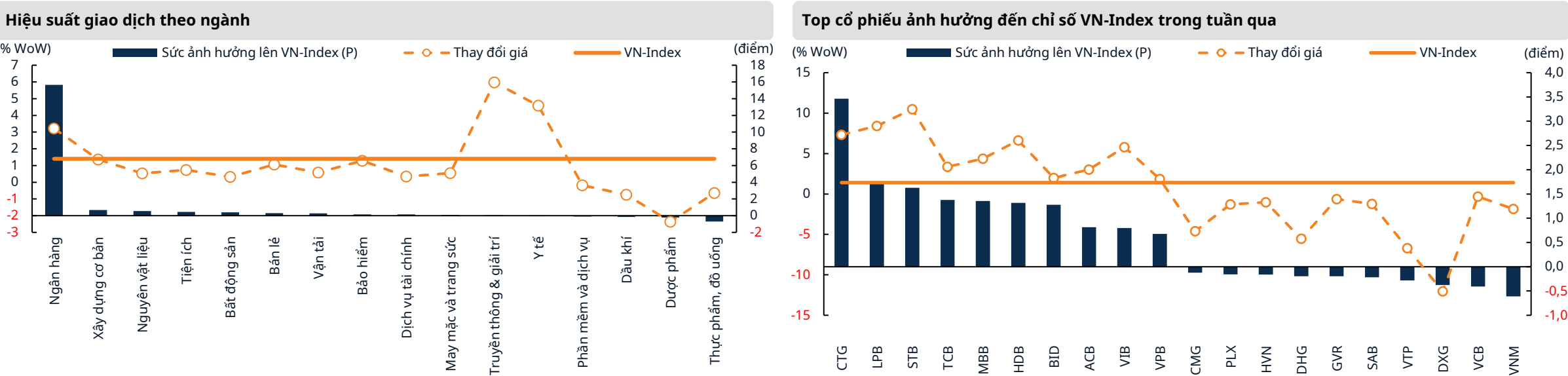


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 27/12/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Khởi sắc trước thềm năm mới

- VN-Index kết thúc chuỗi giảm hai tuần liên tiếp sau khi phục hồi 17,64 điểm và đóng cửa tại 1.275,14 điểm (+1,4% WoW) với phần lớn động lực tăng điểm đến từ phiên bùng nổ vào ngày 25/12 với mức đóng góp gần 14 điểm.
- Trong đó, diễn biến phân hóa giữa các nhóm ngành vẫn chưa được cải thiện với Ngân hàng gần như là động lực chính của tuần với mức đóng góp gần 16 điểm đến đà tăng của chỉ số sàn HOSE.
- Triển vọng giao dịch trong tuần tiếp theo:
 - Theo số liệu thống kê diễn biến giao dịch của chỉ số sàn HOSE trong 10 năm gần nhất, VN-Index tăng trưởng bình quân 3,2% MoM trong tháng 1. Với xung lực hình thành trong hai tháng gần nhất, VN-Index có khả năng sẽ tiếp tục duy trì được xu hướng tăng theo hiệu ứng Tháng Giêng và hướng về cột mốc tâm lý 1.300 điểm; đặc biệt trong bối cảnh số lượng cổ phiếu niêm yết tại sàn HOSE đang giao dịch trên các ngưỡng hỗ trợ thể hiện qua đường trung bình 20 ngày, 60 ngày đều đạt trên 50%, cải thiện đáng kể so với giai đoạn cuối tháng 11.
 - Tuy vậy, áp lực điều chỉnh trong ngắn hạn vẫn là yếu tố cần theo dõi trong tuần đầu tiên của tháng 1 khi diễn biến thăng hoa của loạt cổ phiếu Ngân hàng trong hai phiên giao dịch ngày 26/12 và 27/12 không thể củng cố cho đà tăng tiếp diễn của chỉ số sàn HOSE khi sắc đỏ dần bao phủ phần còn lại của thị trường. Do đó, VN-Index có khả năng sẽ ghi nhận các nhịp điều chỉnh trong ngắn hạn nhằm kiểm định các vùng hỗ trợ tại 1.260 – 1.265 điểm trước khi chuẩn bị cho các nhịp tăng điểm bền vững hơn.



③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Hiệu ứng Tháng Giêng												
Hiệu suất giao dịch (% MoM)	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Trung bình 10 năm	3,18	2,29	-1,30	-1,25	1,46	0,85	1,45	2,24	-1,03	-1,00	1,55	0,81
2024	3,04	7,59	2,50	-5,81	4,32	-1,30	0,50	2,59	0,32	-1,82	-1,11	1,97
2023	10,34	-7,75	3,90	-1,46	2,48	4,19	9,17	0,09	-5,71	-10,91	6,41	3,27
2022	-1,29	0,76	0,14	-8,40	-5,42	-7,36	0,73	6,15	-11,59	-9,20	1,99	-3,94
2021	-4,28	10,59	1,97	4,02	7,15	6,06	-6,99	1,64	0,80	7,62	2,37	1,34
2020	-2,54	-5,81	-24,90	16,09	12,40	-4,55	-3,24	10,43	2,67	2,24	8,39	10,05
2019	2,03	6,02	1,58	-0,11	-2,02	-1,04	4,39	-0,77	1,27	0,23	-2,81	-1,01
2018	12,81	1,01	4,72	-10,58	-7,52	-1,08	-0,46	3,47	2,79	-10,06	1,29	-3,67
2017	4,87	1,94	1,62	-0,63	2,80	5,24	0,91	-0,10	2,77	4,08	13,45	3,61
2016	-5,83	2,59	0,33	-6,62	3,35	2,23	3,16	3,43	1,65	-1,45	-1,59	-0,03
2015	5,58	2,86	-6,99	2,04	1,27	4,12	4,72	-9,07	-0,37	7,95	-5,63	1,02
2014	10,28	5,38	0,87	-2,29	-2,76	2,87	3,10	6,81	-5,95	0,34	-5,70	-3,70

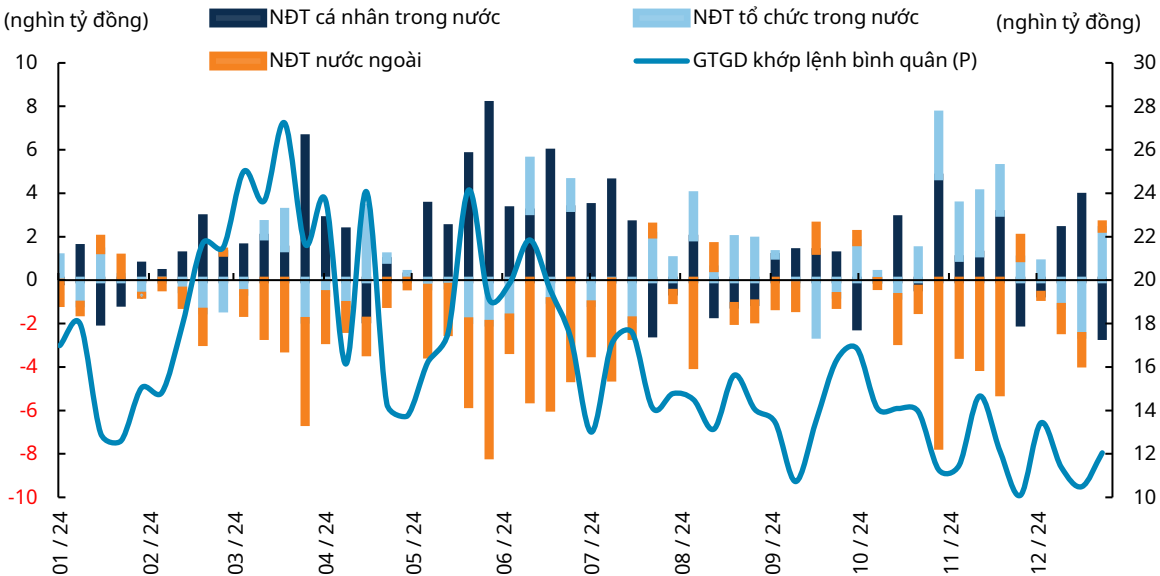
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 27/12/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tự doanh mua ròng với tâm điểm xoay quanh FPT và Ngân hàng

- Dòng tiền trở lại trong tuần phục hồi của VN-Index với thanh khoản cải thiện tại hầu hết các nhóm ngành; ngoại trừ IT và Dịch vụ Tài chính. Giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân đạt khoảng 12 nghìn tỷ đồng mỗi phiên (+15% WoW) tại sàn HOSE.
- Khối ngoại kết thúc chuỗi bán ròng ba tuần liên tiếp sau khi giải ngân 267 tỷ đồng tại sàn HOSE, giảm lượng bán ròng kể từ đầu năm về 90,3 nghìn tỷ đồng.** Trong đó, phần lớn lượng mua ròng tập trung tại SSI (302 tỷ), STB (209 tỷ), CTG (181 tỷ) và HDB (106 tỷ) trong khi khối ngoại bán ròng đối với VCB (-399 tỷ), NLG (-203 tỷ), BID (-172 tỷ), VRE (-146 tỷ).
- Bên cạnh đó, **nhóm nhà đầu tư tổ chức trong nước mua ròng 2,33 nghìn tỷ đồng, nâng lượng mua ròng kể từ đầu năm lên 12,56 nghìn tỷ đồng.** Trong đó, nhóm Tự doanh mua ròng hơn 2,6 nghìn tỷ đồng với tâm điểm đồng thời xoay quanh các cổ phiếu Ngân hàng như STB (+477 tỷ), ACB (+371 tỷ), TCB (+141 tỷ) bên cạnh là các cổ phiếu bluechips như FPT (+687 tỷ) và SSI (+181 tỷ).
- Ở một khía cạnh khác, **các quỹ ETF giải ngân gần 53 tỷ đồng trong tuần qua, với mức rút ròng kể từ đầu năm đạt khoảng 20,68 nghìn tỷ đồng tính đến ngày 27/12.** Trong đó, phần lớn lượng giải ngân đến từ MAFM VN30 (+89 tỷ) và DCVFMVN30 (+2 tỷ); được cân bằng với lượng rút ròng đến từ Fubon FTSE Vietnam (-23 tỷ), MAFM VNDIAMOND (-15 tỷ).

Giá trị giao dịch theo nhóm nhà đầu tư tại sàn HOSE



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật tới 27/12/2024

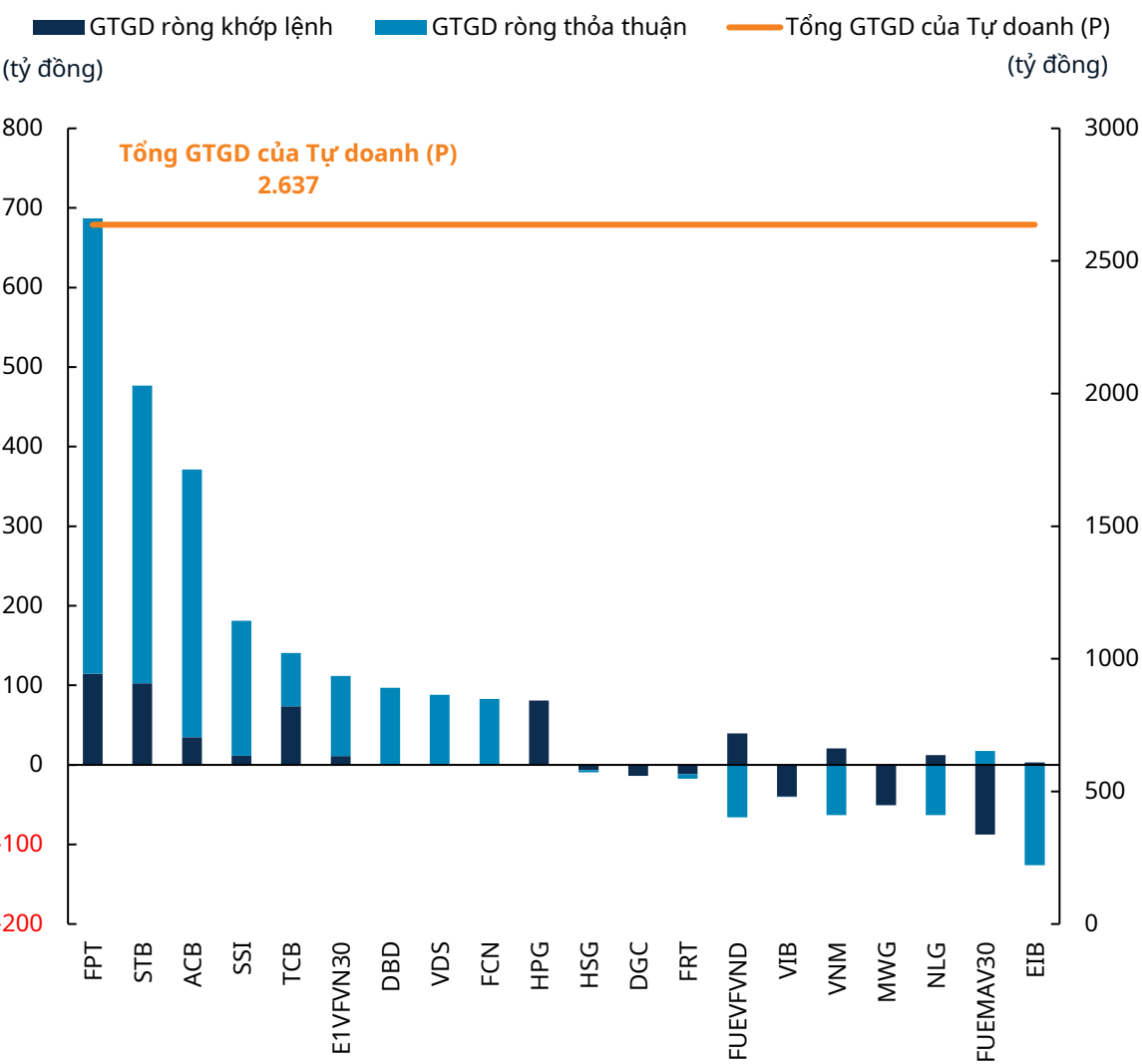
Đánh giá xếp hạng của chúng tôi về thanh khoản thị trường theo ngành ở 12 tuần gần nhất

Phân ngành công nghiệp GICS	Xu hướng dòng tiền trong 12 tuần				GTGD (WoW)
	6/12/2024	13/12/2024	20/12/2024	27/12/2024	
VN-Index				46%	15%
Tiện ích				85%	28%
Vận tải				85%	39%
Bảo hiểm				77%	12%
May mặc và trang sức				77%	10%
Xây dựng cơ bản				77%	15%
Dầu khí				69%	5%
Nguyên vật liệu				62%	5%
Ngân hàng				62%	61%
Thực phẩm, đồ uống				46%	8%
Phần mềm và dịch vụ				38%	-31%
Bất động sản				38%	18%
Dịch vụ tài chính				31%	-7%
Bán lẻ				31%	16%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. **Quy tắc đánh giá của chúng tôi:** Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. **Tích cực (xanh)** biểu thị 33,33% cao nhất; **Tiêu cực (đỏ)** là thấp nhất; và **Trung lập (vàng)** là ở giữa.

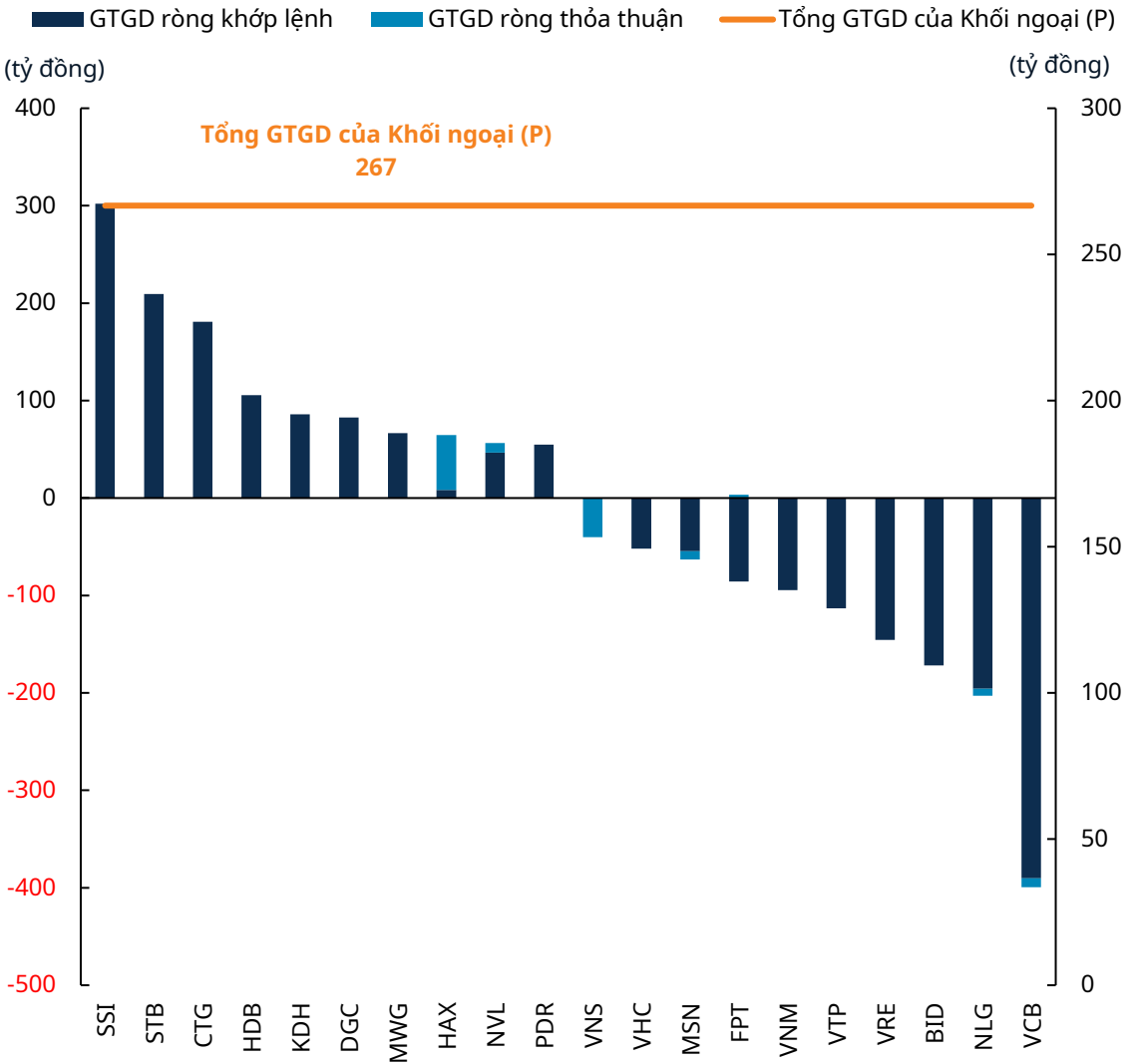
③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top giá trị giao dịch ròng của Tự doanh của tuần qua



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 27/12/2024

Top giá trị giao dịch ròng của Khối ngoại của tuần qua



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 27/12/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		5.240.810	1.275,14	1.305,02	1.128,93	0,18	1,40	2,67	13,6	14,9	1,7	12,5	16,83	24,20
VN30 Index		3.632.202	1.346,84	1.372,66	1.130,09	0,31	2,21	3,52	20,7	11,7	1,6	14,8	20,19	15,35
VN70 Index		1.028.925	1.907,90	2.031,02	1.709,22	0,46	1,30	3,14	11,0	18,0	1,5	8,8	14,11	35,02
VNFinLead Index		2.235.384	2.154,08	2.188,53	1.806,05	1,10	4,02	5,64	20,7	8,7	1,3	15,3	19,39	11,44
Ngân hàng	VCB	515.314	92.200	98.200	80.300	0,11	-0,32	-0,54	11,49	14,9	2,7	19,8	23,0	7,0
	BID	270.038	39.150	46.860	34.959	0,38	1,98	2,20	10,17	11,6	2,0	18,9	16,8	13,2
	CTG	208.356	38.800	38.800	27.100	1,57	7,33	10,38	44,51	9,7	1,5	16,5	27,0	3,0
	TCB	173.795	24.600	25.000	15.750	1,03	3,36	4,68	59,48	7,7	1,2	16,8	22,5	0,0
	VPB	152.728	19.250	20.950	17.800	0,00	1,85	1,05	4,05	11,6	1,1	10,8	25,1	5,0
	MBB	132.923	25.050	26.200	18.550	0,60	4,38	3,94	36,14	6,2	1,3	22,0	23,2	0,0
	ACB	114.123	25.550	26.500	20.696	0,00	3,02	2,00	26,11	7,0	1,4	22,3	30,0	0,0
	LPB	92.606	31.000	31.000	13.442	6,81	8,41	12,10	130,62	9,6	2,3	28,8	0,7	4,3
	HDB	87.202	24.950	24.950	15.958	3,31	6,62	19,05	55,13	6,7	1,7	28,1	17,0	3,0
	STB	70.507	37.400	37.400	26.150	0,81	10,49	12,65	36,50	8,1	1,4	18,4	23,8	6,2
	VIB	59.732	20.050	21.368	16.752	1,52	5,80	8,38	22,18	8,4	1,5	18,9	5,0	0,0
	SSB	47.912	16.900	21.128	15.200	0,00	1,20	-0,29	-15,24	10,2	1,4	15,0	0,1	4,9
	TPB	44.253	16.750	18.100	13.667	1,21	5,35	3,72	15,85	9,1	1,2	14,2	30,0	0,0
	SHB	37.723	10.300	12.450	10.150	0,00	1,48	0,00	-4,19	4,9	0,7	14,6	2,8	27,2
	EIB	36.230	19.450	21.600	15.187	1,04	2,37	4,01	14,04	13,4	1,5	11,8	2,5	27,5
	MSB	30.420	11.700	13.200	9.808	1,30	3,54	3,08	18,83	6,9	0,9	13,3	27,5	2,5
OCB	27.000	10.950	13.333	10.200	0,46	2,34	4,29	-1,20	12,3	0,9	7,4	19,2	2,8	
Dịch vụ tài chính	SSI	52.186	26.600	31.461	23.800	0,95	1,33	9,47	0,79	17,0	2,1	12,6	40,3	59,7
	VCI	24.236	33.750	42.308	31.692	-0,15	-1,17	1,20	4,34	23,6	2,2	10,2	25,1	74,9
	HCM	21.203	29.450	31.300	23.500	0,51	0,51	4,62	26,93	20,6	2,1	10,9	44,6	4,4
	VND	19.562	12.850	21.653	12.700	-0,77	1,18	-7,55	-33,51	7,8	1,0	13,0	11,9	88,1
	VIX	14.804	10.150	14.131	9.098	0,00	-1,46	1,00	-10,95	15,5	0,9	6,0	5,3	94,7
	EVF	7.263	9.550	18.056	9.550	-2,05	-1,75	-9,48	-35,34	15,5	0,8	7,0	0,5	14,5
	TCI	1.017	8.800	12.314	7.560	-1,79	0,00	10,00	-23,67	16,7	0,8	4,7	5,2	94,8
Bảo hiểm	BVH	38.823	52.300	54.800	38.200	-0,57	2,15	17,66	32,24	19,7	1,7	8,9	26,6	22,4
	MIG	3.475	17.500	21.664	15.334	-2,23	-3,58	10,41	-1,01	12,0	1,6	13,3	16,7	83,3

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 27/12/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Nguyên vật liệu	HPG	171.739	26.850	29.950	24.591	-0,56	0,56	2,09	6,43	14,1	1,5	11,5	21,7	27,3
	GVR	122.800	30.700	38.200	20.300	-0,65	-0,65	-1,76	51,60	35,7	2,4	6,7	0,3	12,7
	DGC	44.434	117.000	134.000	87.800	-0,51	1,39	9,45	24,34	16,0	3,2	21,4	18,0	31,1
	DCM	19.217	36.300	40.050	29.850	-0,14	0,14	-1,76	12,38	13,9	1,9	14,3	5,9	43,1
	DPM	13.931	35.600	39.950	31.050	1,14	1,42	0,28	6,59	21,4	1,3	5,8	8,6	40,4
	HSG	11.674	18.800	25.600	18.300	-0,79	0,27	-0,53	-16,26	22,7	1,1	4,7	9,8	39,2
	PHR	7.236	53.400	65.900	47.950	-0,93	-0,74	-5,99	7,88	18,8	1,9	10,4	18,0	31,1
	NKG	6.535	14.600	21.150	14.600	-1,02	-1,02	-3,89	-22,23	10,9	0,8	8,0	7,5	42,5
Bất động sản	VHM	165.734	40.350	46.000	34.600	-0,74	0,00	-3,70	-3,70	8,5	0,9	11,0	12,3	37,7
	VIC	155.049	40.550	48.700	40.250	-0,25	0,12	-0,49	-7,00	15,6	1,1	7,5	10,0	38,0
	BCM	72.243	69.800	74.000	50.700	0,14	3,10	5,60	11,50	27,5	3,8	15,3	2,2	31,8
	VRE	38.970	17.150	27.200	17.000	0,00	0,59	-5,25	-26,24	9,6	1,0	10,5	19,0	30,0
	KDH	36.199	35.800	35.950	27.045	-0,14	-0,14	7,99	28,48	73,2	2,1	2,9	37,1	12,9
	KBC	21.224	27.650	35.900	24.600	0,36	0,18	-1,25	-12,22	47,4	1,1	2,4	18,8	30,2
	VPI	18.915	59.100	59.600	44.917	-0,34	4,60	2,07	28,95	67,6	4,3	6,6	11,1	37,9
	PDR	17.987	20.600	29.724	16.950	-0,72	-1,90	-3,29	-17,54	37,5	1,6	4,5	7,2	42,8
	SIP	17.495	83.100	86.800	54.261	-2,24	-1,54	7,92	63,36	16,0	4,1	28,4	4,5	44,5
	NLG	14.006	36.400	45.850	35.750	0,55	0,14	-3,96	-1,89	48,7	1,5	3,2	45,0	5,0
	DXG	11.315	15.700	20.300	12.550	-1,88	-12,04	-9,51	-16,93	81,3	1,1	1,3	19,0	31,0
	IJC	5.270	13.950	16.950	12.429	-1,06	0,72	3,72	11,43	17,8	1,1	5,8	4,8	44,2
	NTC	5.146	214.400	240.000	179.500	-0,28	2,49	10,80	11,90	17,2	5,4	35,8	2,2	-2,2
	DXS	4.146	7.160	8.680	5.500	-1,78	-9,37	-5,17	-4,02	N/A	0,7	-0,2	18,9	31,1
	LHG	1.803	36.050	43.700	29.500	-1,23	-0,96	-1,50	22,62	9,1	1,1	12,7	17,9	31,1
Xây dựng cơ bản	VEA	53.152	40.000	50.900	33.900	1,27	1,01	5,82	17,30	8,6	2,1	24,6	1,9	47,1
	REE	32.029	68.000	72.000	47.826	0,00	0,44	1,49	38,65	17,6	1,8	10,4	49,0	0,0
	IDC	18.447	55.900	64.300	50.800	-0,53	-0,36	1,82	7,29	8,4	3,5	45,2	22,5	26,5
	GEX	16.630	19.350	25.300	17.800	0,00	-0,51	3,75	-17,13	15,9	1,2	8,0	5,7	44,3
	CTR	14.058	122.900	162.000	86.100	-1,68	0,33	5,31	35,35	26,5	8,3	30,2	10,2	38,9
	DIG	11.587	19.000	33.950	19.000	-1,04	0,00	-7,54	-28,44	410,9	1,5	0,4	4,2	44,8
	BMP	11.035	134.800	136.100	93.000	0,90	7,84	13,28	27,17	10,9	3,8	34,4	84,2	15,8
	VCG	10.894	18.200	23.482	17.050	1,68	5,20	4,00	-16,63	13,6	1,4	10,8	4,8	44,2

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 27/12/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	TCH	10.324	15.450	21.650	12.600	-1,28	3,00	-0,96	16,60	10,9	1,1	10,7	5,2	45,8
	HDG	9.770	29.050	32.000	22.591	-2,52	-3,81	-0,51	15,78	14,7	1,6	11,2	20,1	29,9
	PC1	8.154	22.800	27.783	21.304	-1,08	0,00	-0,44	-7,02	19,1	1,5	8,1	13,1	36,9
	SZC	7.667	42.600	45.000	34.550	-0,93	-0,23	5,45	16,34	26,6	2,5	11,7	2,3	17,8
	CTD	6.815	68.200	78.100	61.000	-1,16	1,34	4,12	-2,15	20,4	0,8	3,9	48,9	0,1
	DPG	2.920	46.350	62.500	38.100	-2,93	-9,12	-10,69	18,24	13,9	1,6	11,7	6,0	43,0
Thực phẩm và Đồ uống	MCH	171.377	236.500	236.500	87.200	1,63	5,49	7,99	173,41	23,9	6,6	29,7	2,7	47,3
	VNM	133.339	63.800	75.600	63.300	0,00	-1,85	-1,24	-5,48	15,5	4,3	27,7	51,6	48,4
	MSN	101.260	70.400	81.400	64.600	-0,14	0,14	-3,16	5,07	78,0	3,4	4,8	26,2	22,8
	SAB	71.567	55.800	69.400	52.000	0,18	-1,24	-0,53	-10,14	16,7	2,9	17,2	60,7	39,3
	QNS	19.118	52.000	52.200	43.600	0,19	2,36	2,16	14,79	7,3	1,8	26,9	13,6	35,5
	KDC	17.041	58.800	62.624	49.600	-0,17	-0,51	15,75	1,20	N/A	2,5	-6,7	18,3	31,7
	VHC	16.138	71.900	80.000	61.833	-1,51	-1,91	-0,42	16,28	17,7	1,9	10,4	28,3	71,7
	SBT	9.627	13.000	13.900	10.700	0,39	1,56	6,56	-1,89	16,1	1,0	6,4	21,4	78,6
	DBC	9.555	28.550	32.304	21.765	0,18	0,53	7,33	21,78	13,7	1,5	9,6	8,5	40,5
Tiện ích	PAN	4.919	23.550	25.700	20.000	0,00	-0,21	3,52	18,34	8,7	1,0	11,9	18,5	30,5
	GAS	160.473	68.500	83.725	68.200	0,00	-0,15	-1,15	-8,43	14,6	2,8	18,5	1,8	47,2
	POW	28.102	12.000	15.300	10.450	-1,23	-1,64	-4,38	7,62	20,6	0,9	4,3	3,8	45,2
	BWE	10.370	47.150	48.050	35.526	-0,74	2,06	3,63	33,54	19,4	2,0	10,9	11,6	37,4
	QTP	6.210	13.800	17.700	13.500	0,00	-6,12	-0,72	-4,83	10,1	1,2	10,7	0,9	48,1
Dầu khí	PLX	48.918	38.500	51.700	34.400	0,13	-1,28	-1,53	11,76	16,3	1,9	11,9	17,5	2,5
	PVS	16.346	34.200	47.300	31.800	0,88	0,00	0,59	-11,63	15,2	1,2	8,3	19,4	29,6
	PVD	13.397	24.100	34.300	23.000	0,21	0,84	2,55	-14,84	24,0	0,8	4,5	10,2	38,8
	PVT	9.862	27.700	32.000	23.636	-1,07	-0,36	3,36	14,55	9,1	1,3	15,2	12,6	36,4

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 27/12/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
May mặc và trang sức	PNJ	32.980	97.600	109.600	83.100	0,10	0,62	4,95	14,42	16,1	3,1	20,2	49,0	0,0
	TCM	4.925	48.350	53.600	36.273	0,31	0,62	2,87	30,36	22,3	2,2	10,6	49,8	0,2
	PTB	4.398	65.700	76.500	53.900	-0,61	2,82	5,97	11,36	13,3	1,6	11,9	23,6	1,4
	MSH	3.953	52.700	53.900	36.300	-0,57	-0,38	0,00	40,16	11,7	2,1	18,5	4,8	44,2
	TNG	3.139	25.600	28.300	17.500	-1,54	-2,66	3,23	37,55	10,9	1,7	15,9	17,1	31,9
Bán lẻ	MWG	89.762	61.400	70.200	41.800	-0,16	1,32	1,99	43,29	30,3	3,3	11,8	46,1	2,9
	FRT	25.041	183.800	188.000	97.400	0,00	-0,11	5,88	78,27	237,2	13,9	6,0	36,7	12,3
	DGW	8.953	40.850	53.769	39.692	-0,37	-1,21	-1,33	1,15	22,6	3,2	14,4	20,3	28,8
Phần mềm và dịch vụ	FPT	220.072	149.600	151.900	81.826	-0,13	0,07	7,70	77,54	29,2	7,4	28,1	45,6	3,4
	CMG	10.262	53.900	74.600	37.400	-2,71	-4,60	-0,19	31,46	31,3	3,8	12,4	35,4	14,6
Truyền thông	FOX	47.035	95.500	115.000	51.100	-1,44	-1,04	1,17	83,65	22,0	5,4	26,2	0,0	0,0
Vận tải	ACV	271.030	124.500	138.000	62.400	-0,32	0,48	2,05	93,62	37,5	5,4	18,0	3,6	45,4
	VJC	54.811	101.200	119.400	99.000	-0,30	2,02	-1,17	-6,21	40,2	3,3	8,5	13,1	16,9
	GMD	27.530	66.500	73.671	57.914	-0,45	2,31	3,42	8,75	18,7	2,7	14,7	45,9	3,1
	VTP	16.136	132.500	145.500	56.000	-3,99	-6,69	6,00	137,46	58,4	10,8	18,5	7,3	41,7
	SCS	8.065	85.000	95.000	65.500	5,85	6,65	9,68	27,06	12,4	5,5	46,3	21,7	8,3
	HAH	5.946	49.000	51.300	32.609	-0,10	-0,61	3,05	49,27	15,0	2,0	14,2	13,6	16,4
	VIP	976	14.250	17.150	10.800	-2,06	-3,39	0,35	26,11	15,0	0,8	5,2	9,8	39,3

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 27/12/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul) One-Asia Equity Sales Team Mirae Asset Center 1 Building 26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539 Korea Tel: 82-2-3774-2124	Mirae Asset Securities (HK) Ltd. Units 8501, 8507-8508, 85/F International Commerce Centre 1 Austin Road West Kowloon Hong Kong Tel: 852-2845-6332	Mirae Asset Securities (UK) Ltd. 41st Floor, Tower 42 25 Old Broad Street, London EC2N 1HQ United Kingdom Tel: 44-20-7982-8000
Mirae Asset Securities (USA) Inc. 810 Seventh Avenue, 37th Floor New York, NY 10019 USA Tel: 1-212-407-1000	Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc. 555 S. Flower Street, Suite 4410, Los Angeles, California 90071 USA Tel: 1-213-262-3807	Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building Vila Olimpia Sao Paulo - SP 04551-060 Brazil Tel: 55-11-2789-2100
PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia District 8, Treasury Tower Building Lt. 50 Sudirman Central Business District Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-54 Jakarta Selatan 12190 Indonesia Tel: 62-21-5088-7000	Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd. 6 Battery Road, #11-01 Singapore 049909 Republic of Singapore Tel: 65-6671-9845	Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC 7F, Le Meridien Building 3C Ton Duc Thang St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)
Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC #406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17 1 Khoroo, Sukhbaatar District Ulaanbaatar 14240 Mongolia Tel: 976-7011-0806	Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd 2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China Tel: 86-10-6567-9699	Beijing Representative Office 2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)
Shanghai Representative Office 38T31, 38F, Shanghai World Financial Center 100 Century Avenue, Pudong New Area Shanghai 200120 China Tel: 86-21-5013-6392	Ho Chi Minh Representative Office 7F, Saigon Royal Building 91 Pasteur St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam Tel: 84-8-3910-7715	Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098 India Tel: 91-22-62661336